TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HNST
Ngày: 26-5-2023
Vv: "Xin ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Ánh

Ông Lê Minh Thư

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không tham gia phiên tòa

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST-HN ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2.Bị đơn: Anh Lê Hữu N, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ñôn khởi kiện đề ngày 06/02/2023 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị B trình bày:

Vào năm 2003 chị và anh Lê Hữu N quen biết tìm hiểu nhau và anh chị chung sống với nhau, được sự đồng ý của 02 gia đình, không có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Anh chị đến UBND xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 16/8/2004. Khi chung sống với nhau bên chồng không cho nữ trang cưới, vợ chồng anh chị ra riêng sống cho đến nay.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có hai đứa con chung tên Lê Phước T sinh ngày 19/7/2004; Lê Phương T1 sinh ngày 11/02/2017.

Về tài sản chung, quá trình chung sống vợ chồng có tạo ra tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia và vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chị.

Quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày và tình cảm vợ chồng. Nay không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu cho ly hôn với anh Lê Hữu N

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Phước T sinh ngày 19/7/2004 đã trưởng thành; Lê Phương T1 sinh ngày 11/02/2017 chị yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Hữu N, nhưng hết thời gian thông báo đương sự không cung cấp văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải cho bị đơn, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lê Hữu N với lý do chị và anh N bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi, anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, không ai quan tâm tới ai.

Về con chung: Lê Phước T sinh ngày 19/7/2004 đã trưởng thành; Lê Phương T1 sinh ngày 11/02/2017 chị yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã triệu tập đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B và anh Lê Hữu N là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét cuộc sống gia đình giữa chị Bùi Thị B và anh Lê Hữu N không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị Bùi Thị B không còn mong muốn cùng anh Lê Hữu N xây dựng một gia

đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Với những mâu thuẫn vợ chồng như chị đã trình bày tại phiên tòa nếu kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân sẽ càng thêm trầm trọng thêm sự ức chế hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị B, cho chị Bùi Thị B được ly hôn với anh Lê Hữu N

[3] Về con chung: Cháu Lê Phước T sinh ngày 19/7/2004 đã trưởng thành

Cháu Lê Phương T1 sinh ngày 11/02/2017, hiện đang sống cùng chị B và do chị B nuôi dưỡng. Xét thấy hiện cháu T1 có cuộc sống ổn định nên việc chị B yêu cầu được nuôi cháu T1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị B nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản: không có, không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Lê Hữu N.

Về con chung: Cháu Lê Phước T sinh ngày 19/7/2004 đã trưởng thành

Giao cháu Lê Phương T1 sinh ngày 11/02/2017cho chị Bùi Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Hữu N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết

Về án phí:

Buộc chị Bùi Thị B phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002802 ngày 09/02/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, nên chị Bùi Thị B không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Bình Tân;
-Chi cục THADS huyện Bình Tân;
-Các đương sự:
-Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương